*Thời gian học:* Từ 17/02 đến 20/02/2021

**MÔN HÓA HỌC 8**

**NỘI DUNG ÔN TẬP CHƯƠNG OXI KHÔNG KHÍ**

**MÔN: HÓA HỌC – KHỐI 8**

1. **MỤC TIÊU:**

- Củng cố kiến thức cho học sinh, ôn tập kiến thức trọng tâm từ đầu học kỳ 2 cho đến khi học sinh nghỉ tết và nghỉ phòng chống dịch.

- Rèn luyện kĩ năng làm bài tập.

- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống .

1. **NỘI DUNG:**

**I/ TÍNH CHẤT CỦA OXI VÀ ỨNG DỤNG:**

\* **Học sinh ôn lại** các tính chất cơ bản của oxi (**Tính chất hóa học):**

**1/Tác dụng với phi kim:**

Phi kim + O2  Oxit phi kim

a/ Tác dụng với S:

S + O2  SO2 (Khí sunfurơ, hay lưu huỳnh đi oxit)

b/ Tác dụng với P:

4 P + 5O2  2 P2O5 (Điphotpho pentaoxit)

**2/Tác dụng với kim loại :**

Kim loại + O2  Oxit kim loại

3Fe + 2O2  Fe3O4 (Oxit sắt từ), (sắt II, III oxit )

4Na + O2  2Na2O (Natri oxit )

2Mg + O2  2MgO (Magie oxit )

**3/ Tác dụng với hợp chất :** Khí metan CH4 cháy trong không khí do tác dụng với khí oxi tạo ra CO2 và nước .

CH4 + 2O2  CO2 + 2H2O

**KẾT LUẬN:** Oxi là 1 trong những đơn chất rất hoạt động, đặc biệt ở nhiệt độ cao, oxi dễ dàng tham gia phản ứng với nhiều phi kim, nhiều kim loại, nhiều hợp chất. Trong hợp chất oxi có hoá trị **II.**

**\* Học sinh ôn lại:** Tính chất vật lý. Sự oxi hoá. Phản ứng hoá hợp. Ứng dụng của oxi, cần cho sự hô hấp và cần cho sự đốt cháy nhiên liệu **(Nguồn tài liệu: SGK lớp 8, tập học của học sinh).**

**II/ OXIT**

**1/ Định nghĩa** :

Oxit là hợp chất của 2 nguyên tố, trong đó có 1 nguyên tố là oxi.

Ví dụ: CuO, CO2

**2/ Công thức:**

Công thức tổng quát của oxit

a II

AxOy  a.x = II.y

Na2O, CaO, Fe2O3, CO2, P2O5.

**3/ Phân loại:** Có 2 loại oxit

**a/ Oxit axit:** Thường là oxit phi kim và tương ứng với 1 axit.

CO2 tương ứng với H2CO3

SO3 tương ứng với H2SO4

P2O5 tương ứng với H3PO4

**b/ Oxit bazơ:** Thường là oxit của kim loại và tương ứng với 1 bazơ.

Na2O tương ứng với NaOH

CaO tương ứng với Ca(OH)2

FeO tương ứng với Fe(OH)2

**4/Cách đọc tên:**

**a/ Tên oxit bazơ:** Tên nguyên tố (hóa trị) + oxit.

Na2O: Natri oxit.

CaO: Canxi oxit.

FeO: Sắt (II) oxit

Fe2O3: Sắt (III) oxit

**b/ Tên oxit axit:** Tên nguyên tố + tiền tố + oxit

CO2: Cacbon đi oxit

SO2: Lưu huỳnh đi oxit

SO3: Lưu huỳnh tri oxit

P2O5: Đi photpho penta oxit.

**(Nguồn tài liệu: SGK lớp 8, tập học của học sinh)**

**III. KHÔNG KHÍ SỰ CHÁY**

1.Học sinh xem lại SGK trang 95🡪98, bài 28: Không khí - Sự cháy

2.Công thức:

Vkk = 5.VO2

**BÀI TẬP CHƯƠNG OXI-KHÔNG KHÍ**

**I.TRẮC NGHIỆM:** 6 điểm

**Câu 1:** Đâu là phương trình đốt lưu huỳnh?

A. 2H2+ O2   2H2O

B. S + O2   SO2

C. C +  O2   CO2

D.  4P + 5O2  2P2O5

**Câu 2:** Cháy mạnh, sáng chói, không có khói là hiện tượng của phản ứng nào

A. C+ O2  CO2

B. 3Fe+ 2O2  Fe3O4

C. S + O2  SO2

D. 4P + 5O2  2P2O5

**Câu 3:** Đâu là tính chất vật lý của oxi

A. Không màu, không mùi, ít tan trong nước

B. Không màu, không mùi, tan nhiều trong nước

C. Không màu, có mùi hắc, ít tan trong nước

D. Màu trắng, không mùi, tan nhiều trong nước

**Câu 4:** Tính chất nào sau đây oxi **không** có

A. Oxi là chất khí

B. Trong các hợp chất, oxi có hóa trị II

C. Tan nhiều trong nước

D. Nặng hơn không khí

**Câu 5:** Khí oxi nặng hơn không khí bao nhiêu lần

A. 1,1 lần

B. 0,55 lần

C. 0,90625 lần

D. 1,8125 lần

**Câu 6:** Chọn đáp án đúng

A. Oxi không có khả năng kết hợp với chất hemoglobin trong máu

B. Khí oxi là một đơn chất kim loại rất hoạt động

C. Oxi nặng hơn không khí

D. Oxi có III hóa trị

**Câu 7:** Người ta thu khí oxi bằng cách đẩy nước trong ống nghiệm, là nhờ dựa vào tính chất.

A. Khí oxi tan trong nước

B. Khí oxi ít tan trong nước

C. Khí oxi khó hóa lỏng

D. Khí oxi nhẹ hơn nước

**Câu 8:** Trong phòng thí nghiệm để điều chế O2. Người ta dùng chất nào sau đây?

A.  KClO3

B. KMnO4

C.  KNO3

D. Cả A và B đều đúng

**Câu 9:** Phương pháp nào để dập tắt lửa do xăng dầu?

A. Quạt

B. Phủ chăn bông hoặc vải dày

C. Dùng nước

D. Dùng cồn

**Câu 10:** Nhiệt phân hoàn toàn 12,25 gam  KClO3. Thể tích O2 (đktc) thu được là:

A. 1,12 lít

B. 2,24 lít

C. 3,36 lít

D. 4,48 lít

**Câu 11:**  Công thức hoá học nào sau đây chỉ gồm các **oxit bazơ:** P2O5, CaO, CuO, BaO, Na2O, SO2.

A. P2O5, CaO, CuO

B. CaO, CuO, BaO, Na2O

C. BaO, Na2O, P2O5

D. P2O5, CaO, P2O5

**Câu 12:** Công thức hoá học nào sau đây chỉ gồm các **oxit axit**: : P2O5, CaO, CuO, BaO, SO2, CO2.

A. P2O5, CaO, CuO, BaO

B. BaO, SO2, CO2

C. CaO, CuO, BaO

D. SO2, CO2 , P2O5

**II.TỰ LUẬN:** 4 điểm

Đốt cháy hoàn toàn 2,4gam magie trong khí oxi tạo ra magie oxit.

a/ Viết phương trình phản ứng hoá học xảy ra?

b/ Tính thể tích khí oxi cần dùng (đktc).

c/ Tính khối lượng oxit thu được.

d/ Tính thể tích không khí cần dùng? Biết oxi chiếm 1/5 thể tích không khí.

(Cho Mg = 24; O = 16)

Hướng dẫn giải câu d: Học sinh có thể dùng công thức Vkk = 5.VO2

**C. DẶN DÒ:**

- Học sinh ghi kiến thức đã học và làm các bài tập vào vở.

* Hạn chót nộp bài là **thứ 7 ngày 20/02/2021.** Các em cố gắng làm sớm và nộp đúng hạn nhé.

- Hình thức HS nộp bài cho giáo viên.

**+ Chụp hình bài ghi, làm bài 🡪 copy hình vào file Word theo thứ tự bài làm (đặt tên file word: ten HS\_lop\_tuan22, ví dụ: Quynh Anh\_8-01\_tuan22).**

+ Học sinh đăng nhập vào trang Google classroom và dùng mã số để học (mã số thì giáo viên bộ môn sẽ liên hệ với giáo viên chủ nhiệm lớp để cung cấp) và tương tác với GVBM (trong Google classroom có phần phản hồi của học sinh cho GVBM, có thời hạn nộp bài...).

+ Nếu không tham gia được google classroom, các em có thể nộp file Word nội dung của bài học, bài làm qua zalo, mail của các thầy cô:

+ Lớp 8/4, 8/7, 8/9: Thầy Khánh: 0909988258 hoặc mail: [nguyentakhanh65@gmail.com](mailto:nguyentakhanh65@gmail.com)

+ Lớp 8/1, 8/10, 8/14: Cô Liên Châu: 0909765699 hoặc mail: [lienchauttv2003@yahoo.com](mailto:lienchauttv2003@yahoo.com)

+ Lớp 8/2, 8/3, 8/6, 8/12, 8/13: Cô Nhung: 0963672730 hoặc mail: [bichnhung2008@gmail.com](mailto:bichnhung2008@gmail.com)

+ Lớp 8/5, 8/8, 8/11: Cô Hồng Châu: 0918208080 hoặc nguyenhongchau.ttv@gmail.com

………………HẾT………………